

Số: /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 5 năm 2026

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả khoan định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND tỉnh đối với mỏ đất san lấp Hồng Cóc, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 17/02/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Dự án xây dựng tuyến đường kết nối di sản văn hóa du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng;

Căn cứ Thông báo số 521-TB/TU ngày 21/4/2026 của Thường trực Tỉnh ủy Thái Nguyên về cấp phép khai thác mỏ đất san lấp Hồng Cóc, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên để cung cấp cho Dự án xây dựng tuyến đường kết nối di sản văn hóa du lịch và phát triển kinh tế dọc Sông Hồng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 4718/TTr-SNNMT ngày 08/5/2026.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả khoan định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực mỏ đất san lấp Hồng Cóc, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên để cung cấp cho Dự án xây dựng tuyến đường kết nối di sản văn hóa

du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng (được phê duyệt tại Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 17/02/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên), như sau:

1. Tên khu vực: Mỏ đất san lấp Hồng Cóc, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên.
2. Loại khoáng sản: Đất san lấp.
3. Diện tích: 33,7 ha, có tọa độ chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo.
4. Mức độ nghiên cứu địa chất: Khu vực chưa khảo sát, thăm dò khoáng sản.

Lý do: Thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 143 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 54 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ quy định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản được khoanh định và phê duyệt theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 100 của Luật Địa chất và khoáng sản khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau: “5. Khu vực khoáng sản nhóm III, nhóm IV làm vật liệu xây dựng thông thường để cung cấp vật liệu cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 Luật Địa chất và khoáng sản.”

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện và lựa chọn tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải đảm bảo đúng đối tượng, thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định; chịu trách nhiệm về tính pháp lý, chính xác về hồ sơ, số liệu,... đảm bảo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật khác có liên quan.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch UBND phường Phúc Thuận và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh TN (đăng tải);
- Lưu: VT, CNN&XD.

Hanhnh/5/2026

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Loan**

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHOÁNG SẢN**  
**Mỏ đất san lấp Hồng Cốc, phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên**  
**được phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2026*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 105 <sup>00</sup> , múi chiếu 6 <sup>0</sup>		Hệ tọa độ VN-2000 KTT 106 <sup>30</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup>		Diện tích (ha)
	X(m)	Y(m)	X(m)	Y(m)	
1	2371881,00	576522,70	2372604,25	421072,16	33,7
2	2371834,00	576733,80	2372555,22	421282,86	
3	2371583,00	576827,30	2372303,26	421373,99	
4	2371499,00	576778,30	2372219,71	421324,17	
5	2371333,00	576619,30	2372055,19	421163,54	
6	2371817,00	575938,10	2372545,83	420486,80	
7	2372143,00	576162,20	2372869,77	420714,08	
8	2372072,00	576294,20	2372797,49	420845,43	
9	2371976,00	576364,20	2372700,79	420914,53	
10	2371864,00	576403,30	2372588,39	420952,57	
11	2371814,00	576479,70	2372537,65	421028,51	